TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2020/DS-ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh.

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ S Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-DS ngày 16/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 235/2020/QĐST-DS ngày 12/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1974.
- *Bị đơn:* Ông Cao Văn L, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Ông S là chủ máy cắt lúa, vào ngày 18/8/2019 ông S có hợp đồng cắt lúa với ông Cao Văn L, đồng thời ông S có dẫn ông Võ Hoàng Việt (ở ấp 3, xã Khánh Bình Tây Bắc) đến hợp đồng mua lúa với ông Cao Văn L. Việc hợp đồng mua lúa giữa ông L với ông Việt thì ông S không có liên quan gì, nội dung thỏa thuận là ông S cắt lúa 15 công bằng 4.500.000 đồng, ông S có nghe giữa ông Việt và ông L thỏa thuận là mua lúa giá 5.000 đồng/kg, nếu lúa tốt thì mua 5.100 đồng/kg, sau đó ông Việt đưa tiền đặt cọc cho ông L nhận, ông S xác định chỉ giới thiệu cho ông Việt mua lúa chứ ông S không có bảo lãnh gì. Việc cắt lúa ông S đã thực hiện xong,

nhưng ông L không trả tiền cắt lúa cho ông S. Đối với hợp đồng giữa ông Việt và ông L thì theo ông S biết ông Việt có mua của ông L 30 bao lúa thì không mua nữa và chấp nhận bỏ tiền cọc 3.000.000 đồng. Việc thiệt hại lúa của ông L là không liên quan đến ông S.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông L trả cho tôi số tiền 4.500.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn tại tờ tường trình ngày 04/3/2020 và lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào ngày 18/8/2019 ông S dẫn 01 người lạ đến (sau này ông L mới biết là ông Võ Hoàng Việt) để hợp đồng cắt và mua lúa, ông S là người cắt lúa, còn ông Việt là người mua lúa, do ông L không quen với ông Việt nên có yêu cầu ông S bảo lãnh việc mua lúa, ông S đồng ý bảo lãnh, sau đó ông Việt có đưa tiền cọc 3.000.000 đồng để giao kết hợp đồng mua lúa, còn việc cắt lúa là thỏa thuận cắt 15 công bằng 4.500.000 đồng. Thời gian sau ông S cho ngày cắt lúa và đến cắt, ông S thực hiện việc cắt lúa xong, lúc cân lúa có ông Việt và một số người lạ tôi không rõ lai lịch, cân được 30 bao thì những người đi chung với ông Việt không tiếp tục mua nữa và chạy ghe đi, sau đó ông Việt yêu cầu ông L xuống giá 100 đồng/kg và mua thiếu, ông L đồng ý bán và ông Việt yêu cầu ông S bảo lãnh nhưng ông S không đồng ý, rồi ông Việt cũng không mua mà bỏ tiền cọc 3.000.000 đồng, còn lại 200 bao lúa nữa ông L không bán được theo giá thỏa thuận ban đầu là 5.100 đồng/kg mà bán được giá 4.000 đồng/kg. Việc ông Việt không tiếp tục mua lúa gây thiệt hại tiền lúa cho ông L số tiền 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông L xác định khi giao dịch mua lúa ông S và một người ông L không biết tên cùng giao dịch với ông L. Ông S là người đưa cho ông L tiền cọc mua lúa 3.000.000 đồng (số tiền này một người ông L không biết tên đưa cho ông S).

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông S bồi thường cho ông L số tiền 11.000.000 đồng, ông L đồng ý trả tiền cắt lúa cho ông S số tiền 4.500.000 đồng.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cắt lúa, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán tiền cắt lúa và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 513 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến, yêu cầu của bị đơn:*

[4.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đều thừa nhận vào ngày 18/8/2019 các bên có hợp đồng cắt lúa với nhau, ông S là người cắt lúa, ông L là người thuê cắt lúa, nội dung thỏa thuận cắt lúa trên diện tích đất 15 công với giá 4.500.000 đồng. Ông S xác định đã thực hiện việc xong cắt lúa và ông L cũng thừa nhận việc này. Như vậy, ông S đã thực hiện xong công việc cắt lúa theo thỏa thuận giữa 02 bên, nên ông L phải có nghĩa vụ trả tiền công cho ông S là đúng theo quy định tại Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự.

[4.2] *Xét yêu cầu của bị đơn:* Ông L cho rằng ông S là người bảo lãnh cho ông Việt (tại phiên tòa ông L xác định không biết tên) trong hợp đồng mua bán lúa và quá trình thực hiện hợp đồng người mua lúa không thực hiện đúng như thỏa thuận mua bán lúa nên gây thiệt hại cho ông L số tiền 11.000.000 đồng. Vấn đề này tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/3/2020 Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ của ông L theo quy định của pháp luật và tại phiên họp ông L có đưa ra yêu cầu phản tố yêu cầu ông S bồi thường số tiền 11.000.000 đồng và Tòa án đã quy định cho ông L thời hạn để thực hiện quyền phản tố của ông L, nhưng ông L không thực hiện. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự tách yêu cầu phản tố của ông L ra, trường hợp sau này ông L có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét có đầy đủ căn cứ và cơ S để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 4.500.000 đồng.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 300.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên được được chấp nhận; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 200, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Văn S. Buộc bị đơn Cao Văn L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn S số tiền **4.500.000** đồng (Bốn triệu, năm trăm, ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Cao Văn L phải nộp là 300.000 đồng.

- Nguyên đơn Huỳnh Văn S đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003301 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIEN TOA

Từ Thanh Nhung